

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Múc,
huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Múc, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 123/BC-SNN&PTNT ngày 25/3/2021 và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại Tờ trình số 64/SC-QLDA ngày 10/3/2021 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Múc, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Múc, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, bao gồm những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Đồng Múc, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Sông Chu.

3. Đơn vị lập báo cáo kết quả kiểm định: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng thủy lợi thủy điện chi nhánh Thanh Hóa.

4. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp III.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ: Kiểm tra, đánh giá chất lượng đập và công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa theo định kỳ nhằm xác định độ an toàn của đập; đưa ra thông báo, khuyến cáo để đơn vị quản lý có kế hoạch quản lý, vận hành, sửa chữa công trình phù hợp đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất, dân sinh.

6. Các thông số cơ bản của công trình:

STT	Các thông số	Đơn vị	Trị số
I. Đặc trưng lưu vực và dòng chảy			
1	Diện tích lưu vực	Km ²	4,73
2	Tần suất đảm bảo tưới	%	85
3	Lượng mưa bình quân nhiều năm (BQNN) (X _o)	mm	1.654,2
4	Lưu lượng BQNN (Q _o)	m ³ /s	0,126
5	Độ sâu dòng chảy BQNN (Y _o)	mm	839,7
6	Mô đuyên dòng chảy năm (M _o)	l/s.km ²	26,6
7	Tổng lượng BQNN (W _o)	10 ⁶ m ³	3,97
8	Lưu lượng năm P = 85% (Q _{85%})	m ³ /s	0,067
9	Tổng lượng năm P = 85% (W _{85%})	10 ⁶ m ³	2,12
10	Lưu lượng lũ thiết kế P = 1,5%	m ³ /s	77,18
11	Lưu lượng lũ kiểm tra P = 0,5%	m ³ /s	93,03
12	Diện tích tưới	ha	123
13	Lượng nước yêu cầu tưới cho nông nghiệp	10 ⁶ m ³	1,984
II. Các thông số của hồ chứa			
14	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+72.00
15	Mực nước chết (MNC)	m	+59.20
16	Mực nước lũ thiết kế P = 1,5% (MNLTk)	m	+72.94
17	Mực nước lũ kiểm tra P = 0,5%	m	+73.07
18	Dung tích ứng với MNLTk	10 ⁶ m ³	1,483
19	Dung tích ứng với MNLTk	10 ⁶ m ³	1,513
20	Dung tích ứng với MNDBT	10 ⁶ m ³	1,270
21	Dung tích hiệu dụng	10 ⁶ m ³	1,248
22	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,0224

STT	Các thông số	Đơn vị	Trị số
23	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	21,65
24	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	ha	1,74
25	Chế độ điều tiết	Năm	
III. Quy mô kết cấu các hạng mục chính			
A - Đập đất			
26	Chiều cao đập lớn nhất	m	23,2
27	Chiều dài đỉnh đập	m	255
28	Cao trình đỉnh đập	m	(+74.50÷+76.90)
29	Bề rộng mặt đập	m	5
B - Tràn xả lũ			
30	Hình thức tràn	Tràn đỉnh rộng, xả mặt tự do	
31	Cao trình ngưỡng tràn	m	+72.00
32	Chiều rộng ngưỡng tràn	m	50
33	Lưu lượng xả lũ thiết kế (P = 1,5%)	m³/s	77,18
34	Lưu lượng xả lũ kiểm tra (P = 0,5%)	m³/s	93,03
35	Chiều cao cột nước tràn thiết kế	m	0,94
36	Chiều cao cột nước tràn kiểm tra	m	1,07
C - Cổng lấy nước			
37	Cao trình đáy cổng	m	+54.28
38	Khẩu diện cổng (Φ)	cm	100
39	Chiều dài cổng (L)	m	56
40	Lưu lượng thiết kế (Q _{TK})	m³/s	0,17

7. Kết quả kiểm định an toàn công trình:

7.1. Đánh giá chất lượng đập:

7.1.1. Kết quả đánh giá các hạng mục công trình:

- Đập đất: Mặt đập, tường chắn sóng ổn định, hiện tượng lún, võng rất nhỏ; bê tông mặt đập có bề mặt bằng phẳng, không có hiện tượng nứt, gãy. Mái thượng lưu, tương đối ổn định, hầu như không bị hư hỏng. Mái hạ lưu tương đối phẳng, hiện tượng trôi sụt không đáng kể; rãnh thoát nước thông thoáng, một số vị trí hư hỏng đã được duy tu, sửa chữa kịp thời, mới có rãnh thoát nước ngang đập, chưa có rãnh thoát nước dọc; bậc lên xuống bằng bê tông ổn định, không có vị trí nứt, gãy; hiện tượng thấm xuất hiện tại 3 vị trí khu vực giáp bậc lên xuống mái hạ lưu, trong đó 2 vị trí đã được xử lý bằng tầng lọc ngược, 1 vị trí dòng thấm đã tắt, nền đất khô. Căn cứ Bảng C.1, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng đập đất ở mức “**trung bình**”.

- Trần xả lũ: Trần tự nhiên, trên nền đá gốc, hai bên vai tràn ổn định; các vật cản trên ngưỡng tràn đã được thanh thải, xử lý, lòng tràn thông thoáng, không bị bồi lấp. Căn cứ Bảng C.3, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng tràn ở mức **“tốt”**.

- Cổng lấy nước: Do có sự cố cửa chính bị kẹt không nâng hạ được nên năm 2019, Công ty TNHH một thành viên Sông Chu đã khắc phục đảm bảo cổng vận hành bình thường, thao tác máy đóng mở dễ dàng, kín nước; thân cổng tương đối ổn định không có hiện tượng hư hỏng bê tông hay lún, nứt, gãy. Căn cứ các Bảng C.3, C.4, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng cổng ở mức **“trung bình”**.

7.1.2. Kết quả đánh giá tổng hợp chất lượng đập:

Căn cứ kết quả đánh giá tại mục 7.1.1 nêu trên và Bảng 1 - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng đập đất ở mức độ **“B”**.

7.2. **Đánh giá công tác quản lý, vận hành đập:**

7.2.1. Kết quả đánh giá:

- Công tác ghi chép, lưu trữ và quản lý số liệu: Đã thực hiện cơ bản đầy đủ theo quy định hiện hành tại công trình, Chi nhánh huyện Thạch Thành và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác ghi chép, lưu trữ và quản lý số liệu **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác kiểm tra: Hàng tuần, hàng tháng, Chi nhánh đều đơn đốc, hướng dẫn công nhân thực hiện công tác kiểm tra công trình; các kết quả kiểm tra, đo đạc đều được Chi nhánh ghi chép sổ sách đầy đủ, gửi về Công ty. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác kiểm tra **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng: Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình hàng năm được Công ty lập, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác duy tu, bảo dưỡng **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác quan trắc: Công tác quan trắc lún, đo mưa đang được Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ, số liệu được phân tích, đánh giá lưu trữ tại Công ty, còn lại công tác quan trắc thẩm chưa thực hiện do công trình chưa có thiết bị quan trắc. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác quan trắc **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du: Đã cơ bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; tuy nhiên, Công ty chưa xây dựng được bản đồ ngập lụt hạ du, cắm mốc cảnh báo ngập lụt vùng hạ du, chưa lập và thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du **“chưa đạt yêu cầu”**.

- Các công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa: Nhà quản lý; đường quản lý, vận hành; hệ thống thông tin liên lạc; vật tư phòng chống lụt bão đảm bảo thuận lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, vận hành đập. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá các công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa **“đạt yêu cầu”**.

7.2.2. Kết quả đánh giá tổng hợp:

Căn cứ kết quả đánh giá tại mục 7.2.1 nêu trên và Bảng H.2 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác quản lý, vận hành đập ở mức độ “B”.

7.3. Đánh giá an toàn chống lũ:

7.3.1. Kết quả tính toán điều tiết lũ: Trên cơ sở cập nhật số liệu mưa đến thời điểm hiện tại, tính toán lại điều tiết lũ thiết kế, lũ kiểm tra, lũ cực hạn theo tiêu chuẩn hiện hành để đánh giá an toàn chống lũ của đập.

Bảng: Tổng hợp kết quả tính toán điều tiết lũ

TT	Phương án tính	$Q_{\text{đến-max}}$ (m^3/s)	$Q_{\text{xả-max}}$ (m^3/s)	W_{Max} (10^6m^3)	H_{max} (m)
1	Lũ thiết kế 1,5%	77,18	64,44	1,483	+72.94
2	Lũ kiểm tra 0,5%	93,03	78,02	1,513	+73.07
3	Lũ cực hạn 0,01%	144,52	123,28	1,606	+73.45

Từ kết quả tính toán có thể nhận thấy chênh lệch số liệu so với thiết kế cũ là không đáng kể:

- Trường hợp lũ thiết kế $P = 1,5\%$: Mức nước hồ lớn nhất là (+72.94) m, thấp hơn so với thiết kế cũ (+73.06) m là 12 cm.

- Trường hợp lũ kiểm tra $P = 0,5\%$: Mức nước hồ lớn nhất là (+73.07) m, thấp hơn so với thiết kế cũ (+73.20) m là 13 cm.

- Trường hợp lũ cực hạn $P = 0,01\%$: Mức nước hồ ứng với lũ cực hạn là (+73.45) m, thấp hơn cao trình đỉnh đập thiết kế (+74.50÷+76.90) m từ (1,05÷3,45) m.

- Qua kết quả theo dõi từ năm 1996 đến nay, đỉnh lũ lớn nhất là (+72.30) m vào ngày 05/10/2007 và ngày 31/10/2008 thấp hơn so với mức nước lũ thiết kế (+72.94) m là 64 cm nên công trình đảm bảo an toàn chống lũ.

7.3.2. Tính toán thủy lực tràn xả lũ:

Theo báo cáo của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, hồ Đồng Múc có tràn tự nhiên trên nền đá gốc, đỉnh rộng, xả tự do, chưa được gia cố, sau ngưỡng tràn là khe suối, dưới là vách đá với độ dốc lớn, không đồng đều (không có đường tràn, dốc nước) nên không tính toán thủy lực của tràn xả lũ; qua kiểm tra, khảo sát và tài liệu theo dõi hàng năm (từ năm 2011 đến nay) tràn làm việc bình thường, không có hiện tượng xói lở vào ngưỡng tràn khi có dòng chảy từ tràn xuống khe suối, đảm bảo khả năng tháo nước.

7.3.3. Kết quả đánh giá an toàn chống lũ:

Căn cứ kết quả đánh giá tại các mục 7.3.1, 7.3.2 nêu trên và Phụ lục D - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn chống lũ ở mức độ “A”.

7.4. Đánh giá an toàn kết cấu đập:

7.4.1. Kết quả tính toán biến dạng, chuyển vị:

a) Nội dung và phương pháp kiểm tra: Phân tích ứng suất-biến dạng theo phương pháp phần tử hữu hạn. Mô phỏng các bài toán giai đoạn thi công công

trình, phân tích đồng thời tại từng thời điểm làm việc của công trình.

b) Kết quả tính toán và kết quả khảo sát hiện trạng:

- Đối với chuyển vị đứng:

Mặt cắt	Cao độ đỉnh đập thiết kế (m)	Cao độ đỉnh đập theo tính toán (m)	Cao độ đỉnh đập thực tế (m)
MC1 - Mặt cắt sườn đồi phía tả	+74.50	+74.416	+74.50
MC2 - Mặt cắt lòng sông	+75.28	+75.153	+75.16
MC3 - Mặt cắt sườn đồi phía hữu	+76.28	+76.198	+76.21

- Đối với chuyển vị ngang:

Mặt cắt	Thiết kế (cm)	Tính toán (cm)	Thực tế (cm)
MC1 - Mặt cắt sườn đồi phía tả	0	2,3	1,0
MC2 - Mặt cắt lòng sông	0	4,4	4,0
MC3 - Mặt cắt sườn đồi phía hữu	0	1,6	1,5

Kết quả tính toán chuyển vị tại 3 mặt cắt MC1, MC2, MC3 cho thấy, chuyển vị đứng và chuyển vị ngang đập theo kiểm tra thực tế nhỏ hơn so với tính toán.

7.4.2. Kết quả tính toán ổn định:

a) Nội dung và phương pháp kiểm tra: Xác định hệ số an toàn ổn định $K_{\min}$ theo phương pháp cân bằng giới hạn. Hệ số an toàn ổn định $K_{\min}$ được xác định dựa vào điều kiện cân bằng của lực và mô men chống trượt so với lực và mô men gây trượt.

b) Kết quả tính toán và kết quả khảo sát hiện trạng:

Mặt cắt	Trường hợp	$[K]_{cp}$	K_{tt}	So sánh	Đánh giá
1	TH1	1,25	1,606	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định
	TH2	1,13	1,562	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định
2	TH1	1,25	1,540	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định
	TH2	1,13	1,518	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định
3	TH1	1,25	2,577	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định
	TH2	1,13	2,534	$[K]_{cp} < K_{tt}$	Đảm bảo điều kiện ổn định

7.4.3. Kết quả đánh giá an toàn kết cấu đập:

Căn cứ kết quả đánh giá tại các mục 7.4.1, 7.4.2 nêu trên và Phụ lục F - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn kết cấu đập ở mức độ “A”.

7.5. Đánh giá an toàn thấm

7.5.1. Kết quả tính toán thấm:

a) Các trường hợp để tính toán kiểm tra thấm qua thân đập, gồm:

- Trường hợp 1: Mức nước ở thượng lưu là MNDBT (+72.00) m, hạ lưu không có nước - tổ hợp cơ bản.

- Trường hợp 2: Mức nước ở thượng lưu là MNLKT (+73.07) m, mức nước hạ lưu tương ứng khi xả Qkt - tổ hợp đặc biệt.

b) Các mặt cắt lựa chọn để tính toán:

- Mặt cắt 1: Mặt cắt sườn đồi phía tả, cách đầu vai tả đập 33 m.

- Mặt cắt 2: Mặt cắt lòng sông, cách đầu vai tả đập 133 m.

- Mặt cắt 3: Mặt cắt sườn đồi phía hữu, cách đầu vai tả đập 233 m.

c) Kết quả tính toán thấm:

Mặt cắt	Trường hợp	$[J]_{cp}$	J_{tt}	q ($10^{-6} m^3/s$)	So sánh	Đánh giá
1	TH1	0,9	0,4	1,233	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm
	TH2	0,9	0,4	1,397	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm
2	TH1	0,9	0,6	1,862	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm
	TH2	0,9	0,6	2,002	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm
3	TH1	0,9	0,35	0,994	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm
	TH2	0,9	0,4	1,177	$[J]_{cp} > J_{tt}$	Đảm bảo điều kiện thấm

Qua số liệu theo dõi và kiểm tra thực tế thì mái hạ lưu đập xảy ra thấm tại 3 vị trí khu vực giáp bậc lên xuống, trong đó 1 vị trí dòng thấm đã tắt; còn lại 2 vị trí thấm đã được xử lý bằng tầng lọc ngược; sơ bộ đánh giá đường bão hòa ở vị trí cao hơn so với thiết kế.

7.5.2. Kết quả đánh giá an toàn thấm:

Căn cứ kết quả tính toán tại mục 7.5.1 nêu trên và Phụ lục E - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn thấm ở mức độ “B”.

7.6. Đánh giá tổng hợp an toàn đập:

Trên cơ sở kết quả đánh giá chất lượng đập, đánh giá công tác quản lý, vận hành đập, đánh giá an toàn chống lũ, đánh giá an toàn kết cấu đập, đánh giá an toàn thấm tại các mục 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5 nêu trên và căn cứ vào Bảng 3 - TCVN 11699:2016, kết quả đánh giá tổng hợp an toàn đập:

- Xếp loại an toàn đập: Xếp loại 2.

- Mức độ an toàn đập: Đập cơ bản an toàn, được phép vận hành nhưng phải tăng cường theo dõi, giám sát.

Bảng: Tổng hợp kết quả đánh giá an toàn đập

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ an toàn
1	Đánh giá chất lượng đập đất	B
2	Đánh giá công tác quản lý, vận hành đập	B
3	Đánh giá an toàn chống lũ	A
4	Đánh giá an toàn kết cấu đập	A
5	Đánh giá an toàn thấm đập đất	B
6	Đánh giá tổng hợp an toàn đập	Loại 2

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH một thành viên Sông Chu (chủ quản lý đập) có trách nhiệm thực hiện:

- Về chất lượng đập: Tiếp tục theo dõi 1 vị trí dòng thấm đã tắt và 2 vị trí thấm đã được xử lý bằng tầng lọc ngược. Ghi chép cụ thể diễn biến (nếu có) để có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn đập.

- Về công tác quản lý, vận hành đập:

+ Có kế hoạch lưu trữ hồ sơ dưới dạng hệ thống file điện tử; lắp đặt hệ thống Camera để theo dõi, giám sát đập, hồ chứa; lập bản đồ ngập lụt hạ du; cắm mốc cảnh báo ngập lụt vùng hạ du; cắm mốc bảo vệ lòng hồ; lập phương án bảo vệ công trình trước mùa mưa bão năm 2021.

+ Thường xuyên theo dõi, phát hiện những hư hỏng nhỏ trên công trình để kịp thời khắc phục.

+ Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng, quản lý công trình, phát quang, thanh thải, khơi thông dòng chảy, đảm bảo an toàn công trình trước mùa mưa, lũ.

- Về an toàn thấm đập đất: Cần khảo sát địa chất, tính toán, đánh giá thấm (lưu lượng, gradien) theo thực tế, làm cơ sở so sánh và xác định mức độ an toàn thấm của đập.

- Về an toàn công trình hồ chứa: Qua kết quả đánh giá tổng hợp an toàn đập được xếp loại 2 - đập cơ bản an toàn, được phép vận hành bình thường nhưng cần phải tăng cường theo dõi, giám sát đảm bảo an toàn đập.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, đảm bảo an toàn cho công trình hồ chứa nước Đồng Múc; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

3. Các Sở, ngành, UBND huyện Thạch Thành và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Sông Chu trong quá trình triển khai thực hiện bảo đảm an toàn hồ chứa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, TTPVHCC.
- } (để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang